

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 02 -2026
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn

2. Bà Thi Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Trà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã S, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã S, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày và yêu cầu như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn H cưới nhau và sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Ông bà có 02 con chung tên:

1- Nguyễn Thanh H1, sinh ngày: 20/08/1990;

2- Nguyễn Thanh S, sinh ngày 08/02/1995;

Quá trình chung sống thời gian đầu sống chung khá hòa hợp. Nhưng nhiều năm gần đây do chồng bà tiêm nhiễm lối sống tiêu cực trên mạng rồi sinh tâm nghi ngờ ghen tuông vô cớ, ông thường xuyên dùng lời khiếm nhã xúc phạm bà thậm tệ, ông còn dọa sẽ rạch mặt bà, hành hung cho bà thân tàn ma dại để không còn ai nhìn ngó đến bà, thậm chí ông H còn vô cớ ghen bà cho con của bạn bà. Do bà không thể tiếp tục chịu đựng sự ghen tuông bệnh hoạn của ông H nên bà và ông H đã sống ly thân 1 năm liền. Sau đó con dâu bà năn nỉ bà cho ông H cơ hội nên bà đã cho ông H cơ hội sống chung nhưng chưa được 1 tuần thì ông H lại chứng nào tật ấy, không thay đổi. Nên hiện nay bà đã thuê quầy bán tạp hóa và ra sống riêng từ tháng 3/2025 đến nay.

Hiện nay ông bà không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà nhận thấy việc tiếp tục chung sống chỉ làm khổ cả 2 người. Nên bà quyết định ly hôn để giải thoát cho nhau. Trong quá trình chung sống ông bà có tài sản chung, không có nợ chung.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với Nguyễn Văn H.

Về con chung:

1- Nguyễn Thanh H1, sinh ngày: 20/08/1990;

2- Nguyễn Thanh S, sinh ngày 08/02/1995;

Các con đều đã đủ tuổi trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2023 ông H trình bày và có yêu cầu như sau:

Ông có lập gia đình với bà Lê Thị K, hai bên có tổ chức đám cưới từ năm 1988 đến nay nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1990 và Nguyễn Thanh S, sinh năm 1995. Trong quá trình chung sống thời gian đầu, vợ chồng hòa hợp, không có mâu thuẫn gì với nhau. Đầu năm 2025 ông với bà K có phát sinh mâu thuẫn và bà Kim D ra sống riêng cho đến nay. Ông và bà K không còn sống chung nữa. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T ông không đồng ý. Vì lớn tuổi, có sui gia và cháu.

Về con chung: ông cho rằng 02 người con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự và người tham gia tố tụng khác: Nguyên đơn đã chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn thì vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án, do bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 cho đến nay nhưng bà K, ông H không có đăng ký kết hôn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn không công nhận bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Kim . Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1988 nhưng đến nay ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Tại thời điểm chung sống cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.....”*. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H đều xác nhận ông bà sống chung như vợ chồng từ năm 1988 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, ông H hay ghen tuông vô cớ, từ đó hai người luôn xảy ra mâu thuẫn, cự cãi không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn, ông bà sống ly thân từ năm 2024 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của bà K và ông H không thể hàn gắn do mâu thuẫn vợ chồng đã ly thân hơn một năm nhưng không có biện pháp hàn gắn cải thiện tình trạng hôn nhân của vợ chồng, mặc khác hôn nhân giữa bà K và ông H là hôn nhân không hợp pháp, ông bà chung sống với nhau nhưng

không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do Hôn nhân không hợp pháp nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H khai có 02 con chung là Nguyễn Thanh H1, sinh ngày: 20/08/1990 và Nguyễn Thanh S, sinh ngày 08/02/1995 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì về con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H xác nhận không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Kim P chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim .

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Nguyễn Thanh H1, sinh ngày: 20/08/1990 và Nguyễn Thanh S, sinh ngày 08/02/1995 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động, không ai có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H xác nhận không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: bà Lê Thị K và ông Nguyễn Văn H xác nhận không có, nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: bà Lê Thị Kim P chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0005561, ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên bà K không phải nộp thêm.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV10 - VL;
- Chi cục THADS KV 10 - VL;
- Phòng THADS KV 10 - VL
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Kim Triều